|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ 1** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I**  **MÔN SINH HỌC 7**  *Thời gian: 45 phút* |

**Đề trắc nghiệm: (0,25đ/câu). Chọn câu trả lời đúng nhất)**

**Câu 1:** Vai trò của điểm mắt ở trùng roi là

A. bắt mồi. B. định hướng. C. kéo dài roi. D. điều khiển roi.

**Câu 2:** Khi trùng roi xanh sinh sản thì bộ phận phân đôi trước là

A. nhân tế bào B. không bào co bóp C. điểm mắt D. roi

**Câu 3:** Nhờ hoạt động của điểm mắt mà trùng roi có tính

A. hướng đất. B. hướng nước. C. hướng hoá. D. hướng sáng.

**Câu 4:** Trong các đặc điểm nào dưới đây có cả ở trùng giày, trùng roi và trùng biến hình?

A. Cơ thể luôn biến đổi hình dạng. B. Cơ thể có cấu tạo đơn bào.

C. Có khả năng tự dưỡng. D. Di chuyển nhờ lông bơi.

**Câu 5:** Nhóm động vật nguyên sinh nào dưới đây có chân giả?

A. trùng biến hình và trùng roi xanh. B. trùng roi xanh và trùng giày.

C. trùng giày và trùng kiết lị. D. trùng biến hình và trùng kiết lị.

**Câu 6:** Trong điều kiện tự nhiên, bào xác trùng kiết lị có khả năng tồn tại trong bao lâu?

A. 3 tháng.          B. 6 tháng. C. 9 tháng.         D. 12 tháng.

**Câu 7:** Vật chủ trung gian thường thấy của trùng kiết lị là gì?

A. Ốc.          B. Muỗi.          C. Cá.           D. Ruồi, nhặng.

**Câu 8:** Vị trí kí sinh của trùng kiết kị trong cơ thể người là

A. trong máu.B. khoang miệng.C. ở gan.D. ở thành ruột.

**Câu 9:** Trong các biện pháp sau, biên pháp nào giúp chúng ta phòng tránh đc bệnh kiết lị?

A. Mắc màn khi đi ngủ. B. Diệt bọ gậy.

C. Đậy kín các dụng cụ chứa nước. D. Ăn uống hợp vệ sinh.

**Câu 10:** Trong các phương pháp sau, phương pháp nào được dùng để phòng chống bệnh sốt rét?

1. Ăn uống hợp vệ sinh.

2. Mắc màn khi ngủ.

3. Rửa tay sạch trước khi ăn.

4. Giữ vệ sinh nơi ở, phát quang bụi rậm, khơi thông cống rãnh.

Phương án đúng là

A. 1; 2.       B. 2; 3.          C. 2; 4.          D. 3; 4.

**Câu 11:** Hình dạng của thuỷ tức là

A. dạng trụ dài.      B. hình cầu.      C. hình đĩa.         D. hình nấm.

**Câu 12:** Thuỷ tức có di chuyển bằng cách nào?

A. Di chuyển kiểu lộn đầu. B. Di chuyển kiểu sâu đo.

C. Di chuyển bằng cách hút và nhả nước. D. Cả A và B đều đúng.

**Câu 13:** Hình thức sinh sản vô tính của thuỷ tức là gì?

A. Phân đôi. B. Mọc chồi. C. Tạo thành bào tử. D. Cả A và B đều đúng.

**Câu 14:**

Đặc điểm nào dưới đây có ở sứa?

A. Miệng ở phía dưới. B. Di chuyển bằng tua miệng.

C. Cơ thể dẹp hình lá. D. Không có tế bào tự vệ.

**Câu 15:** Loài ruột khoang nào có cơ thể hình trụ, kích thước khoảng từ 2 cm đến 5 cm, có nhiều tua miệng xếp đối xứng và có màu rực rỡ như cánh hoa ?

A. Thuỷ tức. B. Hải quỳ. C. San hô. D. Sứa.

**Câu 16:** Đặc điểm nào dưới đây không có ở hải quỳ?

A. Kiểu ruột hình túi. B. Cơ thể đối xứng toả tròn.

C. Sống thành tập đoàn. D. Thích nghi với lối sống bám.

**Câu 17:** Đặc điểm có ở động vật là:

A. Có cơ quan di chuyển B. Có thần kinh và giác quan

C**.** Có thành xenlulôzơ ở tế bào. D. Lớn lên và sinh sản

**Câu 18:** Trùng biến hình có kiểu dinh dưỡng:

A. Tự dưỡng B**.** Dị dưỡng C. Kí sinh D. Cộng sinh

**Câu 19:** Sứa bơi lội trong nước nhờ

A. Tua miệng phát triển và cử động linh hoạt B. Dù có khả năng co bóp

C. Cơ thể có tỉ trọng xấp xỉ nước D. Cơ thể hình dù, đối xứng tỏa tròn

**Câu 20:** Người ta khai thác san hô đen nhằm mục đích gì?

A. Cung cấp vâtk liệu xây dựng. B. Nghiên cứu địa tầng.

C. Thức ăn cho con người và động vật. D. Vật trang trí, trang sức.

**Câu 21:** Giun dẹp cấu tạo cơ thể có các lớp cơ chính

A. Cơ học B. Cơ chéo

C. Cơ vòng D**.** Cả A, B và C

**Câu 22:** Giun dẹp thường kí sinh ở

A. Trong máu B. Trong mật và gan

C. Trong ruột D**.** Cả A, B và C

**Câu 23:** Vỏ cuticun và lớp cơ ở giun tròn đóng vai trò

A. Hấp thụ thức ăn B**.** Bộ xương ngoài

C. Bài tiết sản phẩm D. Hô hấp, trao đổi chất

**Câu 24:** Giun đất di chuyển nhờ

A. Lông bơi B. Vòng tơ

C. Chun giãn cơ thể D. Kết hợp chun giãn và vòng tơ.

**Câu 25:** Sán lá gan di chuyển nhờ

A. Lông bơi B. Chân bên

C**.** Chân giãn cơ thể D. Giác bám

**Câu 26:** Sán dây lây nhiễm cho người qua

A. Trứng B. Ấu trùng C. Nang sán (hay gạo) D. Đốt sán

**Câu 27:** Chỗ bắt đầu của chuỗi thần kinh bụng giun đất ở

A. Hạch não B**.** Vòng thần kinh hầu

C. Hạch dưới hầu D. Hạch ở vùng đuôi

**Câu 28**: Ấu trùng giun đũa xâm nhập vào cơ thể, theo máu đi qua

A. Ruột non B. Tim C. Phổi D. Cả A, B và C

**Câu 29:** Bộ phận tương tự “tim„ của giun đất nằm ở

A. Mạch lưng B. Mạch vòng C. Mạch bụng D**.** Mạch vòng vùng hầu

**Câu 30:** Giun đũa di chuyển nhờ

A. Cơ dọc B. Chun giãn cơ thể C. Cong và duỗi cơ thể D. Cả A, B và C

**Câu 31:** Giun đũa loại các chất thải qua

A. Huyệt B. Miệng C. Bề mặt da D**.** Hậu môn

**Câu 32:** Cơ quan sinh dục của giun đũa đực gồm

A**.** 1 ống B. 2 ống C. 3 ống D. 4 ống

**Câu 33:** Ấu trùng sán lá gan có mắt và lông bơi ở giai đoạn

A. Kén sán B. Ấu trùng trong ốc

C**.** Ấu trùng lông D. Ấu trùng đuôi

**Câu 34:** Lỗ hậu môn của giun đất nằm ở

A. Đầu B.Đốt đuôi C. Giữa cơ thể D. Đai sinh dục

**Câu 35:** Giun đất phân biệt nhờ

A. Cơ thể phân đốt B. Có khoang cơ thể chính thức

C. Có chân bên D**.** Cả A, B và C

**Câu 36:** Giun đất lưỡng tính nhưng thụ tinh theo hình thức

A. Tự thụ tinh B. Thụ tinh ngoài

C**.** Thụ tinh chéo D. Cả A, B và C

**Câu 37:** Giun đốt có khoảng bao nhiêu loài ?

A.Trên 9 nghìn loài B. Dưới 9 nghìn loài

C. Trên 10 nghìn loài D. Dưới 10 nghìn loài

**Câu 38:** Giun đũa, giun kim, giun móc câu thuộc ngành giun gì ?

A. Giun dẹp B.Giun tròn C. Giun đốt D. Cả A, B và C

**Câu 39:** Thí nghiệm mổ giun đất ta tiến hành mổ:

A. Mặt bụng B. Bên hông C**.** Mặt lưng D. Lưng bụng đều được

**Câu 40:** Loài nào của ngành ruột khoang gây ngứa và độc cho người ?

A. Thủy tức B**.** Sứa C. San hô D. Hải quỳ

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Câu* | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| *Đ/a* | B | A | D | B | D | B | D | D | D | C |
| *Câu* | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| *Đ/a* | A | D | D | A | B | C | C | B | B | D |
| *Câu* | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** |
| *Đ/a* | D | D | B | D | C | C | B | D | D | D |
| *Câu* | **31** | **32** | **33** | **34** | **35** | **36** | **37** | **38** | **39** | **40** |
| *Đ/a* | D | A | C | B | D | C | A | B | C | B |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ 2**  **Thuvienhoclieu.com** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I**  **MÔN SINH HỌC 7**  *Thời gian: 45 phút* |

**Câu 1**: Sán dây kí sinh ở dâu?

A. Ruột lợn B. Gan trâu, bò

C. Máu người D. Ruột non người, cơ bắp trâu bò

**Câu 2:** Giun kim ký sinh ở đâu?

A. Tá tràng ở người B. Rễ lúa gây thối

C. Tuột già ở người, nhất là trẻ em D. Ruột non ở người

**Câu 3:** Ghép nội dung ở cột A phù hợp với cột B

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cột A** | **Trả lời** | **Cột B** |
| 1.Trùng biến hình |  | A. Di chuyển bằng không có |
| 2. Trùng sốt rét |  | B. Di chuyển bằng lông |
| 3. Trùng roi |  | C. Di chuyển chân giả |
| 4. Trùng giày |  | D. Di chuyển roi |

**Phần II: Tự luận** (7đ)

**Câu 1:** Nhờ đặc điểm nào mà giun đũa có thể chui rúc vào được ống mật, và hậu quả sẽ như thế nào?

**Câu 2**: Nêu các biện pháp phòng tránh giun sán. Giun sán có tác hại như thế nào?

**Câu 3**: Trình bày cấu tạo ngoài và trong của giun đất thích nghi với đời sống trong đất.

**ĐÁP ÁN**

**Phần I: Trắc nghiệm** (mỗi câu đúng 0.25 điểm)

**Câu 1**: D

**Câu 2**: C

**Câu 3**.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **1** | **2** | **3** | **4** |
| **C** | **A** | **D** | **B** |

**Phần II: Tự luận** (7 điểm)

**Câu 1**.

|  |  |
| --- | --- |
| Học sinh nêu được | Điểm |
| Giun đũa chui vào được ống mật nhờ đặc điểm:   * Đầu rất nhỏ chỉ bằng đầu kim * Cơ thể thon nhọn hai đầu | 0.5đ  0.5đ |
| Hậu quả:   * Giun đũa chui vào ống mật, gây tắc ống dẫn mật, * viêm túi mật, vàng da do ứ mật, gây đau bụng dữ dội. | 0.5đ  0.5đ |

**Câu 2**.

|  |  |
| --- | --- |
| Học sinh nêu được những biểu hiện | Điểm |
| - Giun sán kí sinh hút chất dinh dưỡng của vật chủ làm cho cơ thể vật chủ gầy, yếu, xanh xao, chậm phát triển. | 1 đ |
| - Các biện pháp phòng tránh giun sán: vệ sinh ăn uống, vệ sinh cơ thể, vệ sinh môi trường. | 1đ |

**Câu 3**.

|  |  |
| --- | --- |
|  | Tên |
| Nôi sống: trong đất ẩm | 0.2đ |
| Hoạt động kiếm ăn: ban đêm | 0.2 đ |
| Cơ thể dài, thuôn 2 đầu. | 0.2đ |
| Phân đốt, mỗi đốt có vòng tơ (chi bên). | 0.2đ |
| Chất nhày → da trơn. | 0.2đ |
| Có đai sinh dục và lỗ sinh dục. | 0.2đ |
| Có khoang cơ thể chính thức, chứa dịch. | 0.2đ |
| Hệ tiêu hoá: phân hoá rõ: lỗ miệng, hầu, thực quản diều, dạ dày cơ, ruột tịt, hậu môn. | 0.2đ |
| Hệ tuần hoàn: Mạch lưng, mạch bụng, vòng hầu (tim đơn giản), tuần hoàn kín. | 0.2đ |
| Hệ thần kinh: chuỗi hạch thần kinh, dây thần kinh. | 0.2đ |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ 3**  **Thuvienhoclieu.com** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I**  **MÔN SINH HỌC 7**  *Thời gian: 45 phút* |

**I/ Phần trắc nghiệm khách quan : (3 điểm.)**

Hãy khoanh tròn vào câu mà em cho là đúng nhất.

**Câu 1/** Trùng roi sinh sản bằng cách : (0,25 điểm)

A. Phân đôi theo chiều ngang cơ thể. B. phân đôi theo chiều doc cơ thể.

C. phân đôi theo chiều bất kì cơ thể. C. Cách sinh sản tiếp hợp.

**Câu 2** Động vật sau đây được xếp vào lớp trùng chân giả là : (0,25 đ)

A. Trùng giày. B. Trùng biến hình.

C. Trùng roi. D. Tập đoàn vôn vốc.

**Câu 3/** Thủy tức sinh sản vô tính theo hình thức : (0,25 đ)

A. Nẩy chồi và tái sinh. B. Chỉ nẩy chồi.

C. Chỉ có tái sinh. D. Phân đôi.

**Câu 4/** Chức năng của tế bào gai ở thủy tức là :

A. Hấp thu chất dinh dưỡng. B. Tiết chất để tiêu hóa thức ăn.

C. Tham gia vào hoạt động bắt mồi. D. Giúp cơ thể di chuyển.

**Câu 5 /** Đặc điểm nào sau đây giúp sán lá gan thích nghi lối sống kí sinh : (0,25 đ)

A. Các nội quan tiêu biến. B. Kích thước cơ thể to lớn.

C. Mắt lông bơi phát triển. D. Giác bám phát triển.

**Câu 6 /** Trâu bò nước ta mắc bệnh sán lá gan nhiều là do : (0,25 đ)

A. Trâu bò thường làm việc ở các ruộng ngập nước.

B. Ngâm mình tắm mát ở nước bẩn.

C. Trâu, bò ăn rau, cỏ không được sạch, có kén sán.

D. Uống nước có nhiều ấu trùng sán.

**Câu 7/** Nơi sống chủ yếu của giun kim là : (0,25 đ)

A. Ruột non của thú. B. Ruột già của người.

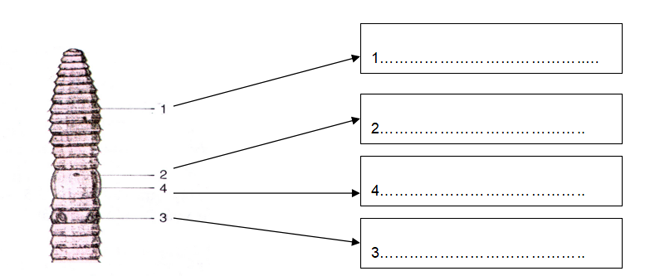
C. Ruột cây lúa. D. Máu của động vật.

**Câu 8/** Nhóm giun được xếp cùng ngành với nhau là : (0,25 đ)

A. Giun đũa, giun kim, giun móc câu. B. Giun đũa, giun dẹp, giun chỉ.

C. Sán lá gan, sán dây, giun rễ lúa. C. Giun móc câu, sán bã trầu, giun kim.

**Câu 9 /** Điền chú thích vào hình cấu tạo ngoài của giun đất : (1 đ)



**II / Phần tự luận : (7 điểm)**

**Câu 1 :** Muỗi và bệnh sốt rét có liên quan gì? Tại sao miền núi thường mắc bệnh sốt rét cao, đề phòng bệnh sốt rét ta phải làm gì ? (1,5 điểm).

**Câu 2 :** Trình bày vòng đời của sán lá gan, đề phòng bệnh giun sán ta phải làm gi ? (2,5 điểm).

**Câu 3 :** Lối sống cộng sinh giữa hải quỳ và tôm có ý nghĩa gì ? (1,5 điểm)

**Câu 4 :** Giun đất đào hang di chuyển trong đất giúp gì cho trồng trọt của nhà nông ? Tại sao nói giun đất là bạn của nhà nông ? (1,5 điểm).

**ĐÁP ÁN**

**I / TRẮC NGHIỆM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **Đúng** | **B** | **B** | **A** | **C** | **D** | **C** | **B** | **A** |

**Câu 9**

1.Vòng tơ mỗi đốt.

2. Lỗ sinh dục cái.

3. Lỗ sinh dục đực.

4. Đai sinh dục.

**II/ Tự luận:**

**Câu 1 /** Trùng sốt rét kí sinh trong tuyến nuớc bọt của muỗi Anôphen khi muỗi đốt người hút máu trùng theo vào máu kí sinh và sinh sản gây bệnh sốt rét. 1đ

Miền rừng núi khí hậu ẩm mưa nhiều, muỗi có điều kiện phát triển nhiều nên thường gây bệnh sốt rét.

Để phòng tránh bệnh sốt rét ta cần tiêu diệt muỗi, lăng quăng bằng cách khai thông cống rãnh, phát quang, thả cá ăn lăng quăng,thoa xịt thuốc diệt muỗi,ngũ mùng kể cả ban ngày. 1đ

**Câu 2**/ Sán lá gan kí sinh ở gan trâu, bò, trứng theo phân ra ngoài gặp nước nở thành ấu trùng có lông, ấu trùng chui vào ốc ruộng kí sinh sau một thời gian ra khỏi ốc ruộng thành ấu trùng có đuôi, ấu trùng vướn ở rau cỏ rụng đuôi thành kén trâu bò ăn cỏ có kén sán sẽ mắc bệnh sán lá gan.1,5đ

Đề phòng cần giử vệ sinh cá nhân ăn chín uống sôi, không ăn thịt tái, ăn rau sống phải rữa thật sạch phân chuồng trước khi đem bón phải ủ cho chết trứng giun sán giữ vệ sinh ăn uống cho vật nuôi.1,5 đ

**Câu 3 ;** Hải quỳ có lối sống cố định không di chuyển được, có tế bào gai chứa nọc độc làm các loài săn mồi không dám đến gần. 0,5 đ

Tôm có lối sống bơi lội tự do nhưng thường bị các loài khác ăn thịt như cá, mực,bach tuộc. 0,5đ

Tôm và hải quỳ sống cộng sinh cả hai cùng có lợi tôm giúp hải quỳ di chuyển. Hải quỳ giúp tôm xua đuổi kẻ thù 0,5 đ

**Câu 4 /** Giun đất đào hang di chuyển trong đất làm xáo trộn bề mặt của đất làm đất tơi xốp giúp rễ cây hô hấp. 0,5 đ

Giun đất ăn các mãnh vụn hữu cơ và đất thải ra thành chất mùn rất tốt cho cây trồng vì vậy ta có thể nói giun đất là bạn của nhà nông. 1 đ